

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2018/DS-ST.
Ngày: 23/02/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2018 tại tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 455/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V

Địa chỉ: đường L, phường H, quận Đ, TP. Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Phương N (xin vắng mặt)
(giấy ủy quyền ngày 11.7.2017).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn N

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2017 và bản tự khai ngày 25/8/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/9/2014, Ngân hàng V có ký Hợp đồng tín dụng với ông Trương Văn N để cho vay số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất 45%/năm, mục đích vay tiêu dùng, phương thức cho vay trả góp, thời hạn vay 24 tháng. Theo thỏa thuận thì ông N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 48.316.000 đồng, mỗi tháng trả 2.014.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.994.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 10/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 22.868.000 đồng, Nhưng từ ngày 01/4/2016 đến nay ông N không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào nữa mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ gốc còn lại là 19.603.062 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2016 đến ngày 11/7/2017 là 5.844.938 đồng. Tổng cộng là 25.448.000 đồng.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trương Văn N vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của Ngân hàng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng V và ông Trương Văn N là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Theo hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền nợ gốc đến hạn là 19.603.062 đồng, lãi từ ngày 01/4/2016 đến ngày 11/7/2017 là 5.844.938 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 29/9/2014 ông N có đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 446246, qua đó, ngân hàng cho ông N vay số tiền 31.500.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 45%/năm, tổng cộng số tiền ông N phải trả cho Ngân hàng gốc và lãi là 48.316.000 đồng. Tính đến ngày 01/4/2016 ông N đã trả cho Ngân hàng số tiền là 22.868.000 đồng, trong đó gốc 11.896.938 đồng, tiền lãi 10.971.062 đồng. Do đó, ông N còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 19.603.062 đồng. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất 45%/năm, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 11/07/2017 số tiền lãi là 5.844.938 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm ông N phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 19.603.062 (mười chín triệu sáu trăm lẻ ba ngàn sáu mươi hai) đồng, tiền lãi là 5.844.938 (năm triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi tám) đồng. Tổng cộng là 25.448.000 (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn N chịu 1.272.400 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền 636.200 đồng, theo biên lai thu số 0032333 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng